

Số: **143** /UBDT-DTTS

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2021

V/v thực hiện Quyết định số
12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng
Chính phủ năm 2021

Kính gửi: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Sau 10 năm (2011-2021) triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín đã khẳng định đây là chính sách đúng đắn, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước ta đối với đồng bào dân tộc thiểu số nói chung, những người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng. Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ năm 2021 và trong thời gian tới, Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo, giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức Đoàn thể các cấp; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị về vị trí, vai trò của người có uy tín và công tác quản lý, vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có uy tín:

- Các chế độ, chính sách đối với người có uy tín thực hiện theo quy định tại Điều 5, Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Nội dung và mức chi thực hiện theo Công văn số 7020/BTC-NSNN ngày 14/6/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ và quy định cụ thể của địa phương (nếu có).

- Thực hiện cấp báo cho người có uy tín: Ban Dân tộc tỉnh thực hiện đặt hàng Báo Dân tộc và Phát triển (Ủy ban Dân tộc) qua Tòa soạn Báo Dân tộc và Phát triển và báo địa phương (hoặc hình thức cung cấp thông tin khác phù hợp do địa phương lựa chọn) để cấp cho người có uy tín theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 5, Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức Đoàn đại biểu người có uy tín tiêu biểu đi thăm quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất về số lượng, cơ quan chủ trì, thời gian và chương trình

tổ chức các Đoàn đại biểu người có uy tín, học sinh dân tộc thiểu số tiêu biểu... đi thăm quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh. Đối với các Đoàn khi đến thăm, làm việc với cơ quan Ủy ban Dân tộc (tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Đắk Lắk), Ban Dân tộc tỉnh có văn bản gửi Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Dân tộc thiểu số và Văn phòng Ủy ban) trước 10 ngày làm việc so với ngày dự kiến Đoàn đến (kèm theo thời gian, nội dung chương trình làm việc, danh sách trích ngang các thành viên trong Đoàn) để Ủy ban Dân tộc có kế hoạch đón tiếp.

- Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 7 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg các tỉnh xem xét hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần đối với người có uy tín tham gia thực hiện nhiệm vụ được giao phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

3. Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện, những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm sau 10 năm thực hiện chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011, Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 và Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ; đề xuất, kiến nghị nội dung, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, các tỉnh quyết định hình thức tổ chức tổng kết phù hợp (xây dựng báo cáo hoặc tổ chức hội nghị) và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện (theo Đề cương và Biểu 02a và Biểu 02b kèm công văn này) gửi Ủy ban Dân tộc (file mềm gửi qua email: vudantochieuso@cema.gov.vn) **trước ngày 30/5/2021** để tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện chính sách đối với người có uy tín, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

4. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín thực hiện theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 7020/BTC-NSNN ngày 14/6/2018 của Bộ Tài chính. Căn cứ nguồn ngân sách được giao năm 2021, đề nghị các địa phương bố trí kinh phí thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg trong dự toán kinh phí của Ban Dân tộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện các chế độ, chính sách và công tác quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng nhu cầu kinh phí thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg năm 2022: Căn cứ quy định tại Điều 7 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg, các địa phương lập báo cáo kinh phí ước thực hiện năm 2021 và dự toán kinh phí thực hiện chính sách trong kế hoạch ngân sách năm 2022 của tỉnh gửi Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc **trước ngày 30/6/2021** (theo Biểu mẫu 03 đính kèm; file mềm gửi Email: vudantochieuso@cema.gov.vn) để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Dân tộc thiểu số) theo số điện thoại: 024.3762.3208 để thống nhất thực hiện./.

Nơi nhận

- Như trên;
- Bộ trưởng, CNUB (để b/c);
- Cơ quan công tác dân tộc các tỉnh, thành phố;
- Vụ ĐP I, II, III;
- VP đại diện tại TP HCM;
- Công TTĐT UBĐT;
- Lưu VT, DTTS (03b).

27.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Hoàng Thị Hạnh

Biểu 01*(Kèm theo Công văn số 193 /UBND-DTTS ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)***ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....****TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN NGƯỜI CÓ UY TÍN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2011-2021***(Kèm theo Báo cáo/-.... ngày tháng năm của)*

Số TT	Thời gian	Tổng số NCUT	Giới tính		Tổng số thành phần dân tộc	Thành phần người có uy tín										Ghi chú	
			Nam	Nữ		Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Đảng viên	Thành phần khác		
	Năm 2011																
	Năm 2012																
	Năm 2013																
	Năm 2014																
	Năm 2015																
	Năm 2016																
	Năm 2017																
	Năm 2018																
	Năm 2019																
	Năm 2020																
	Năm 2021																
	Tổng cộng																

NGƯỜI LẬP BIỂU**TM.UBND.....***(Ký tên, đóng dấu)*

Biểu 02A

(Kèm theo Công văn số 142 /UBND-DTTS ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)

UBND TỈNH....

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN GIAO I ĐOẠN 2011-2021**

(Kèm theo Báo cáo/-.... ngày tháng năm của)

Số TT	Địa phương	Tổng số NCUT	Hội nghị phổ biến, cung cấp thông tin			Tập huấn, bồi dưỡng			Tham quan, giao lưu, học tập kinh nghiệm						Cấp báo chí, tạp chí		Hình thức cung cấp thông tin khác			Ghi chú		
			Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Tổ chức trong huyện		Tổ chức trong tỉnh		Thăm Hà Nội, các tỉnh khác			Loại báo, tạp chí	Số lượng NCUT được cấp	Hình thức hoạt động	Số cuộc		Số NCUT	Cấp tổ chức
									Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
	Năm 2011																					
	Năm 2012																					
	Năm 2013																					
	Năm 2014																					
	Năm 2015																					
	Năm 2016																					
	Năm 2017																					
	Năm 2018																					
	Năm 2019																					
	Năm 2020																					
	Năm 2021																					
Cộng toàn tỉnh																						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ghi rõ họ, tên và ký)

TM. UBND TỈNH....

(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (17): Ghi rõ tên báo hoặc tạp chí do Trung ương hoặc địa phương cấp
- Cột (19): Ghi rõ hình thức cung cấp thông tin

Biểu 02B

(Kèm theo Công văn số 142 /UBND-DTTS ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)

UBND TỈNH....

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN

HỖ TRỢ VẬT CHẤT, ĐỘNG VIÊN TINH THẦN VÀ KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN GIAI ĐOẠN 2011-2021

(Kèm theo Báo cáo/ - ... ngày tháng năm ... của...)

Số TT	Địa phương	Tổng số NCUT	Thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán			Thăm hỏi, tặng quà dịp Tết của DTTS			Thăm hỏi, hỗ trợ NCUT ốm đau			Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn			Thăm viếng NCUT và thân nhân qua đời			Hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác			Khen thưởng NCUT			Ghi chú		
			Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số trường hợp	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số trường hợp	Cấp tổ chức	Hình thức hỗ trợ	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số NCUT	Hình thức khen		Cấp khen	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	
	Năm 2011																									
	Năm 2012																									
	Năm 2013																									
	Năm 2014																									
	Năm 2015																									
	Năm 2016																									
	Năm 2017																									
	Năm 2018																									
	Năm 2019																									
	Năm 2020																									
	Năm 2021																									
Cộng toàn tỉnh																										

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ghi rõ họ, tên và ký)

TM. UBND TỈNH.....

(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các cột (6), (9), (12), (15), (18), (22) và (25): Ghi cụ thể cấp tổ chức, ví dụ do cấp Trung ương tổ chức (ghi TW), cấp tỉnh tổ chức (ghi T), cấp huyện tổ chức (ghi H).
- Các cột từ (19): Ghi rõ hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác (nếu có)
- Cột (24): Ghi rõ hình thức khen thưởng.

Biểu 3**BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ***(Kèm theo công văn số 192/UBND-DTTS ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)***UBND TỈNH.....****TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ****Thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018
của Thủ tướng Chính phủ năm 2022***ĐVT: triệu đồng*

Số TT	Nội dung chi	Ước thực hiện năm 2021			Nhu cầu kinh phí năm 2022		
		Đối tượng/ Số lượng	NSDP	NSTW	Đối tượng/ Số lượng	NSDP	NSTW
	Tổng số (1+2+3+4)						
1	Cung cấp thông tin cho NCUT						
a	Phổ biến, cung cấp thông tin						
b	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức						
c	Cấp báo						
	Báo dân tộc và Phát triển						
	Báo địa phương						
4	Thăm quan, học tập kinh nghiệm						
2	Hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần						
a	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết Nguyên đán						
b*	Thăm hỏi, động viên NCUT ốm đau						
c*	Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn						
d*	Thăm viếng, động viên NCUT và thân nhân gia đình NCUT qua đời						
3	Khen thưởng						
4	Quản lý, tổ chức thực hiện và đón tiếp các Đoàn đại biểu NCUT của các địa phương khác đến						

NGƯỜI LẬP BIỂU**TM. UBND TỈNH.....***(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

(b* và c*): Tạm tính = 10% tổng số tiền thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết Nguyên đán (chi và quyết toán theo thực tế với mức chi cụ thể theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12)

(d*): Tạm tính = 5% tổng số tiền thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết Nguyên đán (chi và quyết toán theo thực tế với mức chi cụ thể theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12)

DANH SÁCH 52 TỈNH/THÀNH PHỐ GỬI CÔNG VĂN

STT	Tỉnh/Thành phố	STT	Tỉnh/Thành phố
1	Hà Giang	27	Khánh Hòa
2	Tuyên Quang	28	Ninh Thuận
3	Thái Nguyên	29	Bình Thuận
4	Cao Bằng	30	Gia Lai
5	Bắc Kạn	31	Kon Tum
6	Lạng Sơn	32	Đắk Lắk
7	Quảng Ninh	33	Đắk Nông
8	Vĩnh Phúc	34	Lâm Đồng
9	Bắc Giang	35	Bình Phước
10	Lào Cai	36	Đồng Nai
11	Yên Bái	37	Tp. Hồ Chí Minh
12	Phú Thọ	38	Bà Rịa-Vũng Tàu
13	Lai Châu	39	Tp. Cần Thơ
14	Điện Biên	40	Hậu Giang
15	Sơn La	41	Sóc Trăng
16	Hòa Bình	42	Bạc Liêu
17	Tp. Hà Nội	43	Cà Mau
18	Thanh Hóa	44	Trà Vinh
19	Nghệ An	45	Kiên Giang
20	Quảng Bình	46	An Giang
21	Quảng Trị	47	Vĩnh Long
22	Thừa Thiên Huế	48	Ninh Bình (Phòng Dân tộc, Văn phòng UBND tỉnh)
23	Quảng Nam	49	Hà Tĩnh (Văn phòng UBND tỉnh)
24	Quảng Ngãi	50	Đà Nẵng (Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ thành phố)
25	Bình Định	51	Bình Dương (Phòng Dân tộc, Văn phòng UBND tỉnh)
26	Phú Yên	52	Tây Ninh (Ban Tôn giáo-Dân tộc, Sở Nội vụ tỉnh)

Ghi chú: Mỗi tỉnh/TP gửi 02 địa chỉ gồm: UBND tỉnh/TP và Cơ quan công tác dân tộc các tỉnh/thành phố.